

### III. Hình thức pháp luật:

- Cách thức giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp thành pháp luật.
- Là những dạng tồn tại thực tế của pháp luật được các cơ quan tòa án áp dụng khi xét xử.

#### 1. Tập quán pháp: (Tập quán + sự thừa nhận của nhà nước)

- Nhà nước **thừa nhận** một số tập quán đã lưu truyền, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng thành những quy tắc xử sự chung được nhà nước bảo đảm thực hiện.
- Hình thành dựa trên hai yếu tố:
  - + Yếu tố chủ quan (yếu tố vật chất): các xử sự, thái độ, hành vi đã thành thói quen một cách tự nhiên (phụ nữ phương Tây lấy chồng thường mang họ chồng).
  - + Yếu tố khách quan (yếu tố tâm lý): chủ thể pháp luật cho rằng thói quen, cách xử sự đó mang tính chất bắt buộc và họ chấp nhận đó là “luật” (Người phương Đông khi chết thì con phải thắt khăn xô trắng).
- Là hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất và phổ biến nhất trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến.
- Để được coi là tập quán pháp thì bản thân quy phạm tập quán đó bắt buộc phải được Nhà nước thừa nhận bằng một trong hai cách: thông qua một quy định mang tính nguyên tắc cho mọi trường hợp, hoặc thông qua một quy định chi tiết cho từng trường hợp cụ thể.

#### 2. Tiền lệ pháp (án lệ): (Tiền lệ + sự thừa nhận của nhà nước)

- Nhà nước **thừa nhận** các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử giải quyết những vụ việc cụ thể để áp dụng đối với các vụ việc tương tự.
- Tạo điều kiện cho quan tòa dễ dàng vận dụng, lấp được các “khoảng trống” của pháp luật.

#### 3. Văn bản quy phạm pháp luật:

- Là văn bản do cơ quan Nhà nước **có thẩm quyền ban hành** theo trình tự, thủ tục luật định trong đó có chứa đựng những **quy tắc xử sự chung** được **Nhà nước bảo đảm thực hiện** và được **áp dụng nhiều lần** trong đời sống xã hội.

**a) Đặc điểm:** Phải bao gồm **đủ 4 đặc điểm** sau mới được coi là 1 văn bản quy phạm pháp luật:

- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Chứa đựng quy tắc xử sự chung được nhà nước bảo đảm thực hiện.
- Được áp dụng **nhiều lần** trong thực tế.

**\* Văn bản sử dụng 1 lần cho 1 trường hợp cụ thể → Văn bản áp dụng pháp luật.**

- Tên gọi, nội dung, trình tự thủ tục ban hành luật định.

#### **b) Các loại văn bản quy phạm pháp luật:**

- Căn cứ vào trình tự ban hành và giá trị pháp lý, các văn bản quy phạm pháp luật được chia thành hai loại:
  - + Văn bản luật: **Quốc Hội** ban hành.
  - + Văn bản dưới luật: Do cơ quan nhà nước **có thẩm quyền (trừ QH)** ban hành.

### **HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

| STT | Chủ thể ban hành                            | Tên văn bản                                 | Ghi chú                  |
|-----|---|---|--------------------------|
| 1   | Quốc Hội                                    | Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết        | <b>Văn bản luật</b>      |
| 2   | Ủy ban thường vụ Quốc Hội                   | Pháp lệnh, Nghị quyết, Nghị quyết liên tỉnh | <b>Văn bản dưới luật</b> |
| 3   | Chủ tịch nước                               | Lệnh, Quyết định                            |                          |
| 4   | Chính phủ                                   | Nghị định, Nghị quyết liên tỉnh             |                          |
| 5   | Thủ tướng Chính phủ                         | Quyết định                                  |                          |
| 6   | Hội đồng thẩm phán Tòa Án Nhân dân Tối cao  | Nghị quyết                                  |                          |
| 7   | Chánh án Tòa án ND TC, Viện trưởng VKSND TC | Thông tư, Thông tư liên tỉnh                |                          |
| 8   | Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ      | Thông tư, Thông tư liên tỉnh                |                          |
| 9   | Tổng kiểm toán Nhà nước                     | Quyết định                                  |                          |
| 10  | HĐND các cấp                                | Nghị quyết                                  |                          |
| 11  | UBND các cấp                                | Quyết định                                  |                          |
| 12  | Chính quyền địa phương ở ĐVHC - KT đặc biệt | Văn bản QPPL                                |                          |

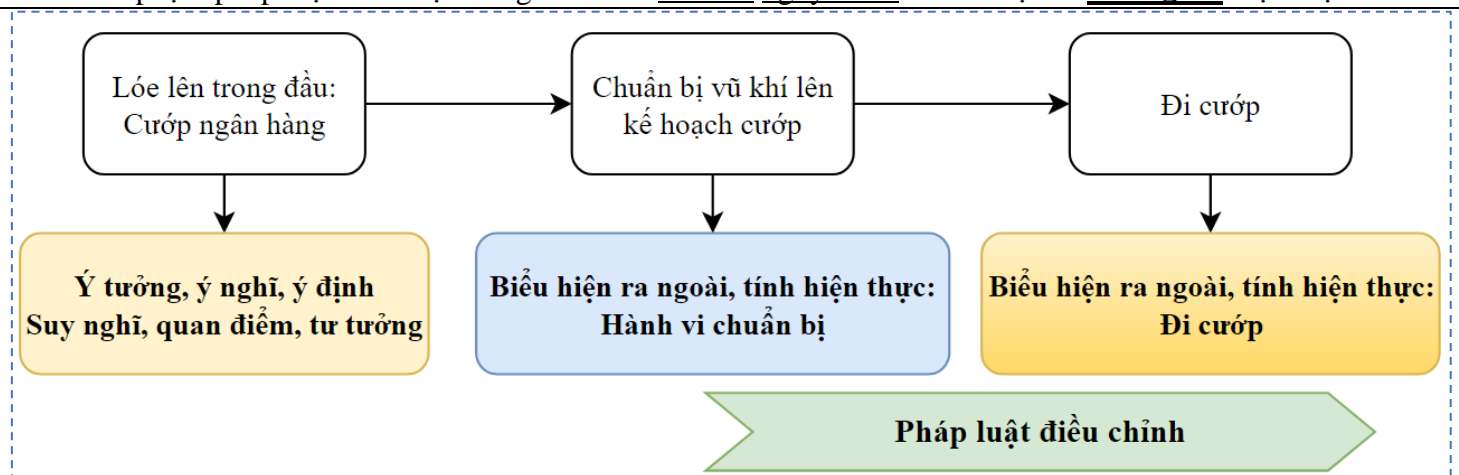
## Bài 4: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (THI)

### I. Vi phạm pháp luật:

#### 1. Những dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật:

##### - Dấu hiệu 1: Hành vi

Vi phạm pháp luật biểu hiện ra ngoài thành hành vi nguy hiểm cho xã hội do con người thực hiện.



| Quy định pháp luật  | Hành vi              | Xếp loại hành vi |
|---|----------------------|------------------|
| Nghĩa vụ/ Bắt buộc/ Phải thực hiện                          | Không thực hiện      | Không hành động  |
| Cấm/ Không được   | Thực hiện/ Làm       | Hành động        |
| Làm theo cách thức mà pháp luật đặt ra (Làm theo khuôn mẫu) | Thực hiện không đúng | Hành động        |

#### VD:

- Không cứu giúp người trong tình trạng nguy hiểm tính mạng: **Không hành động** (Nhà nước quy định phải có nghĩa vụ cứu giúp).
- A thuê B đánh C: **Hành động** (Pháp luật cấm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe người khác).
- Chó cắn A: **Hành vi không vi phạm** (vì không do con người thực hiện).
- Anh B nuôi chó, không nhốt cẩn thận nên chó của anh B cắn chết anh A: **Hành động** (xét hành vi không nhốt cẩn thận, có nhốt nhưng không đảm bảo an toàn).

+ Vi phạm pháp luật trước hết phải là hành vi của con người thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động nguy hiểm hoặc có khả năng nguy hiểm cho xã hội → **Không có hành vi thì không vi phạm pháp luật.**

+ Con người ở đây có thể là cá nhân hoặc tổ chức → **Hành vi không do con người thực hiện thì không vi phạm pháp luật.**

+ **Suy nghĩ, tình cảm của con người dù có nguy hiểm đến đâu nhưng nếu chưa biểu hiện ra thành hành vi thì cũng không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.**

##### - Dấu hiệu 2: Tính trái pháp luật

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật. Tức là xử sự không đúng (không phù hợp) với các quy định của pháp luật, xâm hại quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

#### \* Biểu hiện:

- ✓ **Không thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật quy định.**

**VD:** Không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy.

- ✓ **Thực hiện không đúng, vượt quá giới hạn pháp luật cho phép.**

**VD:** Chạy xe máy vượt quá tốc độ quy định, không cài quai mũ bảo hiểm khi đi xe máy.

- ✓ **Thực hiện hành vi bị pháp luật cấm.**

**VD:** Vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng.

\* Tất cả những gì pháp luật không cấm, không xác lập và bảo vệ thì dù có làm trái hay xâm hại cũng không bị coi là vi phạm pháp luật.

##### - Dấu hiệu 3: Tính có lỗi

Vi phạm pháp luật là hành vi có lỗi của chủ thể, hay người thực hiện hành vi có lỗi.

+ **Xác định lỗi của người thực hiện hành vi:**

Những hành vi trái pháp luật nhưng thực hiện trong những hoàn cảnh, điều kiện mà chủ thể **không thể xử sự (không thể làm gì được)** hoặc **không thể lựa chọn cách xử sự nào khác (giải pháp duy nhất)** thì hành vi trái pháp luật đó không có lỗi.

**+ Hành vi trái pháp luật không có lỗi:** Tình thế cấp thiết, Bất khả kháng, Phòng vệ chính đáng.

#### **- Dấu hiệu 4: Năng lực trách nhiệm pháp lý**

Người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là người có **năng lực trách nhiệm pháp lý**.

\* **Năng lực chịu trách nhiệm pháp lý:** Khả năng gánh chịu hậu quả bất lợi khi chủ thể (cá nhân, tổ chức) thực hiện hành vi trái pháp luật.

\* Cá nhân có năng lực trách nhiệm pháp lý là người đạt **độ tuổi** (tùy thuộc vào loại vi phạm, tùy trường hợp), có **khả năng nhận thức và điều khiển hành vi bình thường** (không mắc bệnh tâm thần, bệnh làm mất khả năng nhận thức, hành vi), điều kiện khác (nếu có).

**KHÁI NIỆM** (Đủ 4 yếu tố mới được coi là vi phạm pháp luật) (1 yếu tố không có, chỉ có 1 yếu tố → Không vi phạm pháp luật)

**Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.**

## **2. Cấu thành vi phạm pháp luật:**

### **a) Mặt khách quan:**

- Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là **những biểu hiện ra bên ngoài** của vi phạm pháp luật.

+ Thứ nhất: Hành vi trái pháp luật\*

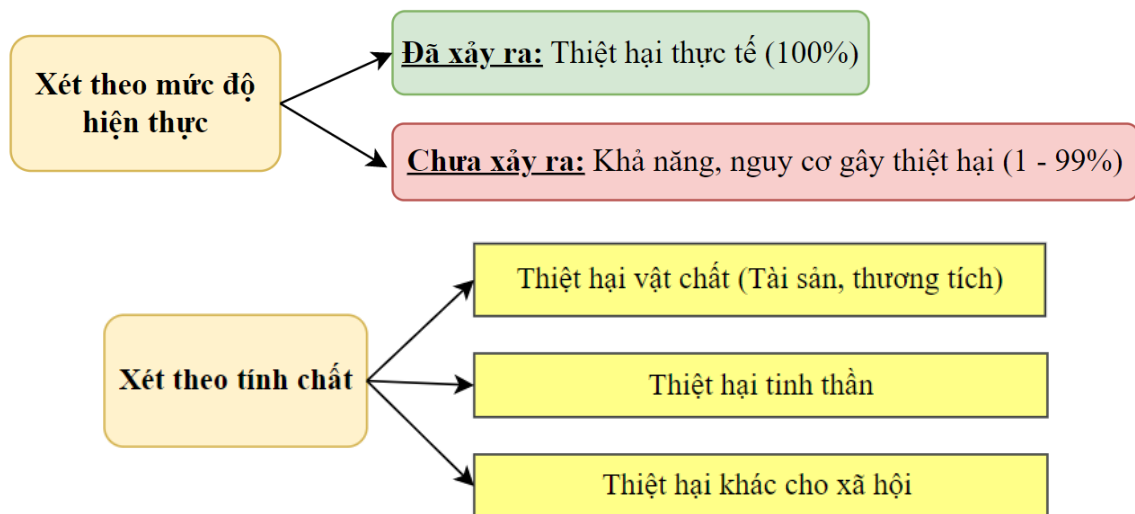
+ Thứ hai: Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra.

+ Thứ ba: Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả.

+ Thứ tư: Các yếu tố khác: Thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện, cách thức thực hiện hành vi.

- **Hậu quả** là những thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra.

VD: tài sản bị hư hỏng, số người chết, tỉ lệ thương tật...

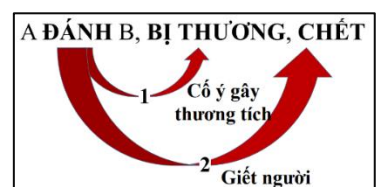


### **- Mối quan hệ giữa hành vi - hậu quả:**

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả do hành vi đó gây ra.

=> Hậu quả xảy ra là **tất yếu** từ hành vi trái pháp luật.

=> Hậu quả xảy ra là **trực tiếp** từ hành vi trái pháp luật.



- Các yếu tố khác của Mặt khách quan:

+ Thời gian, địa điểm.

+ Công cụ, phương tiện (Vật trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi).

**VD:** Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện một trong những hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm.

=> mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số được xác định là công cụ phạm tội.

+ Cách thức thực hiện hành vi (Trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cướp giật tài sản, cưỡng đoạt tài sản).

b) **Mặt chủ quan:** *Lỗi \**, *động cơ*, *mục đích*.

- Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là những yếu tố tâm lý của chủ thể vi phạm pháp luật.
- **Lỗi** là trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi vi phạm của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra.  
(Lỗi: Hành vi trái pháp luật + Hậu quả).

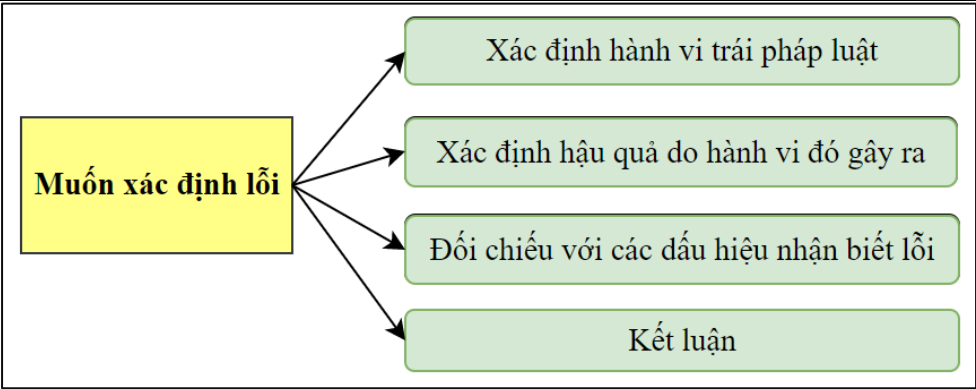
+ **Lỗi cố ý trực tiếp:** là trạng thái tâm lý trong đó chủ thể vi phạm **nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm** cho xã hội do hành vi của mình gây ra và **mong muốn cho hậu quả xảy ra**.

+ **Lỗi cố ý gián tiếp:** là trạng thái tâm lý trong đó chủ thể vi phạm **nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm** cho xã hội do hành vi của mình gây ra nhưng có ý thức **để mặc cho hậu quả xảy ra**.

+ **Lỗi vô ý vì quá tự tin:** là trạng thái tâm lý trong đó chủ thể **nhận thức rõ hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm** cho xã hội nhưng **tin rằng hậu quả không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được**.

+ **Lỗi vô ý do cẩu thả:** là trạng thái tâm lý trong đó chủ thể vi phạm **không nhận thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra, mặc dù có thể hoặc bắt buộc phải nhận thấy trước hậu quả đó**.

| PHÂN BIỆT LỖI                             |   |  |   |                 |
|---|---|--|---|-----------------|
| Tiêu chí                                  | Cố ý trực tiếp                                | Cố ý gián tiếp   | Vô ý vì quá tự tin  | Vô ý do cẩu thả |
| Nhận thức về mức độ nguy hiểm của hành vi | Có  | Có   | Có  | Không           |
| Nhận thức về hậu quả có thể xảy ra        | Có  | Có   | Có  | Không           |
| Thái độ đối với hậu quả                   | Mong muốn (Tìm đủ mọi cách để gây ra hậu quả) | Để mặc (Không làm gì để ngăn chặn, phòng ngừa hậu quả) | Tin rằng không xảy ra (Tìm đủ mọi cách ngăn chặn, phòng ngừa hậu quả) | Không mong muốn |



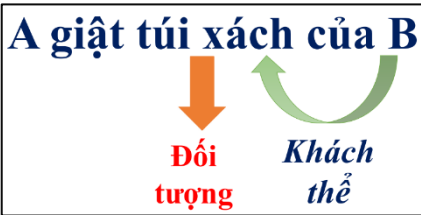
- Động cơ vi phạm: **động lực thúc đẩy** chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- Mục đích vi phạm: **kết quả cuối cùng** mà **trong suy nghĩ** của mình chủ thể **mong muốn đạt được** khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

c) **Chủ thể vi phạm pháp luật:** là người thực hiện hành vi trái pháp luật xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, có lỗi, có năng lực trách nhiệm pháp lý.

d) **Khách thể vi phạm pháp luật:** là những **quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ** bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại.

\* **Phân biệt khách thể và đối tượng:**

- + **Khách thể:** Quan hệ xã hội bị hành vi trái PL xâm hại.
- + **Đối tượng:** Cái chịu sự tác động trực tiếp của hành vi trái PL.
- **Phân loại vi phạm pháp luật:** VPPL hình sự, dân sự, hành chính, VP kỷ luật.



**II. Trách nhiệm pháp lý:**

- Trách nhiệm pháp lý là **hậu quả bất lợi** áp dụng với chủ thể vi phạm pháp luật, được các quy phạm pháp luật xác lập và điều chỉnh ở bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật.
- **Đặc điểm:**
  - + Cơ sở trách nhiệm pháp lý là vi phạm pháp luật của chủ thể;
  - + Chủ thể vi phạm pháp luật chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước.

- + Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý dựa trên các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực.
- + Trách nhiệm pháp lý của chủ thể luôn gắn liền với những biện pháp cưỡng chế được quy định trong chế tài của quy phạm pháp luật.
- *Căn cứ truy cứu TNPL:*
- + Cơ sở pháp lý: Những quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến vi phạm pháp luật.
- + Cơ sở thực tiễn: Các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật trong thực tế.
- *Phân loại:* TN hình sự, dân sự, hành chính, kỷ luật.

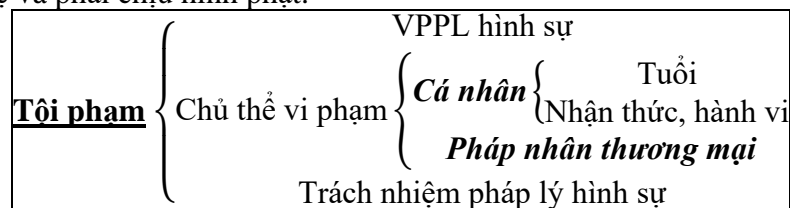
## **Bài 5: LUẬT HÌNH SỰ**

### **1. Khái niệm luật hình sự:**

Luật Hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, nhằm xác định những hành vi vi phạm nào là tội phạm đồng thời quy định hình phạt đối với những tội phạm đó.

### **2. Tội phạm:**

- **Tội phạm** là **hành vi** nguy hiểm cho xã hội được quy định trong **Bộ luật Hình sự**, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và phải chịu hình phạt.



- **Phân loại:** Dựa vào **mức cao nhất** của khung hình phạt áp dụng với tội phạm đó được quy định trong Bộ luật Hình sự để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm.

+ **Tội phạm ít nghiêm trọng** là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội **không lớn** mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ Hình sự quy định đối với tội ấy là **phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm**.

+ **Tội phạm nghiêm trọng** là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội **lớn** mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là **tù trên 03 năm tù đến 07 năm tù**.

+ **Tội phạm rất nghiêm trọng** là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội **rất lớn** mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là **tù trên 07 năm tù đến 15 năm tù**.

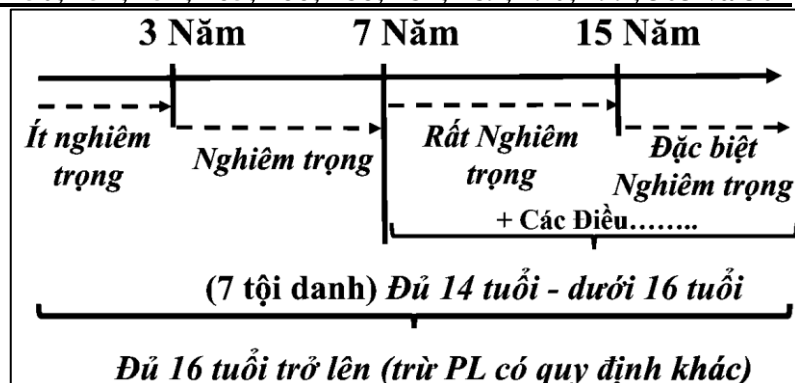
+ **Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng** là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội **đặc biệt lớn** mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là **tù trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình**.

\* **Phân loại tội phạm theo từng điều, khoản.**

- **Tuổi chịu trách nhiệm hình sự:**

+ Đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về **mọi tội phạm** (trừ tội phạm BLHS có quy định khác.)

+ Đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi: Phải chịu trách nhiệm hình sự về **tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng** quy định tại một trong các điều **123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304** của Bộ luật Hình sự.



### **3. Hình phạt:**



Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

|                  |   |  |   |  |
|------------------|---|--|---|--|
| <b>Hình phạt</b> | { | <i>Người có năng lực trách nhiệm hình sự (Cá nhân)</i> | { | 7 hình phạt chính                        |
|                  |   | <i>Pháp nhân thương mại</i>                            | { | 3 hình phạt chính<br>3 hình phạt bổ sung |

**- Cá nhân phạm tội:**

+ Hình phạt chính: Cảnh cáo, Phạt tiền, Cải tạo không giam giữ, Trục xuất, Tù có thời hạn, Tù chung thân, Tử hình. (Điều 34 – 40 Bộ Luật Hình sự).

**\* Phân biệt:**

- **Cải tạo không giam giữ:** cải tạo không cách ly khỏi xã hội + nghĩa vụ + khấu trừ thu nhập (5%- 20%) (cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam (1 ngày tù) bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

**- Án treo:**

+ Miễn chấp hành hình phạt tù giam có điều kiện.

\* Điều kiện hưởng án treo: Phạt tù không quá 3 năm; Người phạm tội có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù.

+ Thời gian thử thách 1 – 5 năm.

\* Trong thời gian thử thách, nếu người hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

\* Trong trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

+ Hình phạt bổ sung: 1. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; 2. Cấm cư trú; 3. Quản chế; 4. Tước một số quyền công dân; 5. Tịch thu tài sản (Điều 41 – 45 Bộ Luật Hình sự); 6. Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; 7. Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

**- Pháp nhân thương mại:**

+ Hình phạt chính: Phạt tiền, Đình chỉ hoạt động có thời hạn, Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 77, 78, 79 Bộ Luật Hình sự).

+ Hình phạt bổ sung: 1. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; 2. Cấm huy động vốn (Điều 80, 81 Bộ Luật Hình sự); 3. Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

**\* Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội:**

**- Đối với hình phạt chính:**

- + Cùng cải tạo không giam giữ → Cải tạo không giam giữ (Tối đa 3 năm).
- + Cùng phạt tù có thời hạn (Kể cả tạm giam – giữ nguyên) → Phạt tù (Tối đa 30 năm).
- + Cải tạo không giam giữ và phạt tù có thời hạn → Phạt tù có thời hạn (tỉ lệ 3-1: 3 ngày cải tạo không giam giữ = 1 ngày tù).
- + Tù chung thân hoặc Tử hình → Chung thân hoặc Tử hình.
- + Phạt tiền → Cộng tổng.
- + Trục xuất → Giữ nguyên.

**- Đối với hình phạt bổ sung:**

- + Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật HS quy định đối với loại hình phạt đó, riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung.
- + Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

**\* Bài tập tổng hợp hình phạt:**

Ngày 1.4.2013, Lê Văn An bị khởi tố tội trộm cắp tài sản nhưng được cho tại ngoại để điều tra.

Ngày 1.7.2013 Tòa phạt An 27 tháng cải tạo không giam giữ.

Ngày 1.1.2014 An phạm tội lừa đảo nên bị bắt tạm giam.

Ngày 1.7.2014 Toà phạt An ba năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vậy, kể từ ngày 1.7.2014, An phải tiếp tục chấp hành hình phạt như thế nào?

**Cách 1:**

- Đến ngày 1.1.2014, An còn phải chấp hành: 27 tháng CTKGG – 6 tháng đã thi hành = 21 tháng CTKGG = 7 tháng tù.

- Từ 1.7.2014, An tiếp tục chấp hành: 3 năm tù + (7 tháng tù – 6 tháng tạm giam) = 3 năm 1 tháng tù.

## **Cách 2:**

- A1: 27 tháng CTKGG = 9 tháng tù

- A2: 3 năm tù

- Đã thi hành  $\begin{cases} 6 \text{ tháng cải tạo KGG} = 2 \text{ tháng tù} \\ 6 \text{ tháng tạm giam} = 6 \text{ tháng tù} \end{cases} \rightarrow 8 \text{ tháng tù}$

Vậy: Từ 1.7.2014, An tiếp tục chấp hành: 3 năm tù + 9 tháng tù – 8 tháng tù = 3 năm 1 tháng tù.

## **BÀI 6: LUẬT DÂN SỰ**

### **1. Khái niệm:**

- *Luật Dân sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hóa - tiền tệ và các quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia vào các quan hệ đó.*

- Đối tượng điều chỉnh: Quan hệ về tài sản, Quan hệ nhân thân.

+ **Quan hệ về tài sản:** Sự liên quan giữa con người với con người gắn với tài sản (Vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản)

+ **Quan hệ về nhân thân:** Sự liên quan giữa con người với con người gắn liền với các yếu tố về tinh thần: họ và tên, hình ảnh, danh dự, nhân phẩm....

### **2. Một số chế định cơ bản của luật dân sự:**

a) **Quyền nhân thân:** là quyền dân sự gắn với đời sống tinh thần của mỗi chủ thể, không định giá được bằng tiền và không thể chuyển giao cho chủ thể khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. (Quyền có họ, tên; Quyền thay đổi họ, tên; Quyền xác định, xác định lại dân tộc; Quyền được khai sinh, khai tử; Quyền của cá nhân đối với hình ảnh; Quyền xác định lại giới tính; Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình).

b) **Quyền sở hữu:** là tổng hợp các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản. (Quyền chiếm hữu; Quyền sử dụng; Quyền định đoạt).

### c) Thừa kế **(THK)**:

- **Thừa kế** là sự **chuyển quyền sở hữu** đối với di sản của người chết **theo di chúc** hoặc **theo quy định của pháp luật**.

- **Di sản thừa kế** là tài sản của người chết để lại cho những người còn sống.

- **Di sản** bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

**Di sản = TS có – Nghĩa vụ tài sản (VD: Phí làm đám...)**

### - **Thực hiện nghĩa vụ tài sản:**

+ Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

+ Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

- **Người để lại di sản thừa kế** là người có tài sản sau khi chết để lại cho người còn sống theo ý chí của họ được thể hiện trong di chúc hay theo quy định của pháp luật.

- **Người thừa kế** là người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật.

### - **Điều kiện nhận thừa kế:**

+ *Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết.*

+ *Trường hợp người thừa kế theo di chúc không là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.*

### - **Thời điểm mở thừa kế**

+ *Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.*

+ *Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày quyết định này có hiệu lực.*

### - **Những người không được hưởng di sản:**

- ♣ Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó;
- ♣ Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản;
- ♣ Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng;
- ♣ Người có hành vi lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, huỷ di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.

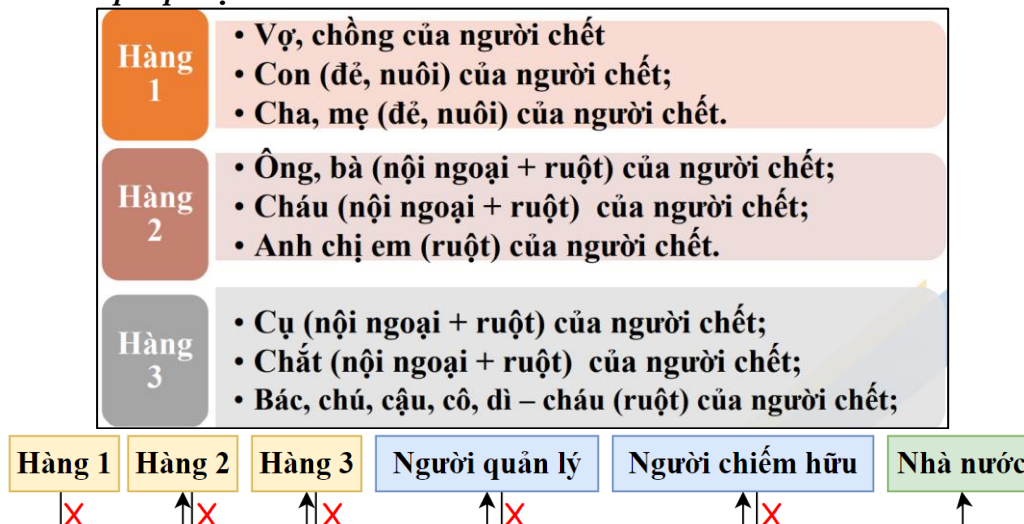
#### α) Thừa kế theo pháp luật:

- Thừa kế theo pháp luật là việc **chuyển quyền sở hữu** di sản của người chết sang cho những người thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### - Thừa kế theo pháp luật phát sinh trong các trường hợp::

- + Không có di chúc.
- + Di chúc không hợp pháp.
- + Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.
- + Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc đều không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản.

#### - Ba hàng thừa kế theo pháp luật:



#### - Chia thừa kế theo pháp luật:

- + Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước (do đã chết, không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản).
- + Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

$$\text{Một suất thừa kế theo pháp luật} = \frac{\text{Tổng di sản}}{\text{Số người thừa kế theo pháp luật cùng hàng}}$$

- Các bước làm bài toán thừa kế: **Vẽ sơ đồ phả hệ → Tính di sản → Xác định người thừa kế → Chia đều thừa kế.**

- Trường hợp những người có quyền thừa kế di sản của nhau đều chết cùng thời điểm hoặc được coi là chết cùng thời điểm do không thể xác định được người nào chết trước (sau đây gọi chung là chết cùng thời điểm) **thì họ không được thừa kế di sản của nhau** và di sản của mỗi người do người thừa kế của người đó hưởng, **trừ trường hợp thừa kế thế vị.**

- Thừa kế thế vị:

+ Trong trường hợp **con** của người để lại di sản **chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản** thì **cháu** được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.



+ Nếu **cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản** thì **chất** được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của chất được hưởng nếu còn sống.

\* **Thời điểm:** Chết cùng/ Chết sau.

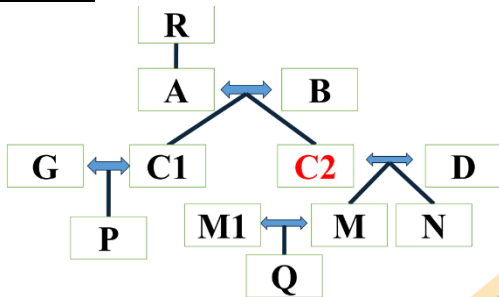
\* **Cháu, chất ruột.**

\*  $\left\{ \begin{array}{l} \text{Người để lại di sản } ① \\ \text{Con } ② \\ \text{Cháu } ③ \\ \text{Chất } ④ \end{array} \right. \rightarrow \left\{ \begin{array}{l} ② \text{ chết cùng, chết sau } ① \rightarrow ③ \text{ thế vị} \\ ③ \text{ chết cùng, chết sau } ① \rightarrow ④ \text{ thế vị} \end{array} \right.$

\* **Lưu ý:**

- Thừa kế thế vị chỉ xảy ra trong trường hợp **thừa kế theo pháp luật**.
- Chỉ **cháu hoặc chất ruột** của người để lại di sản mới có thể trở thành người thừa kế thế vị.
- Bao nhiêu người thừa kế thế vị cũng chỉ thế vị **1 phần di sản**.

## BÀI TẬP:



### 1) Xác định người thừa kế theo pháp luật của C2.

Hàng 1: D, A, B, M, N.

Hàng 2: R, Q, C1

Hàng 3: P

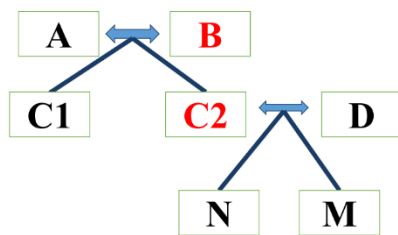
2) Hiếu **kết hôn với Phương** năm 1999, năm 2000 thì **Tâm** ra đời, năm 2009 **Ngọc** ra đời. Năm 2010 Hiếu đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc và chung sống với Luyện và sinh con là Quý năm 2010.

Ngày 14/2/2015 Hiếu đột tử. **Hãy chia thừa kế** trong trường hợp Hiếu chết không để lại di chúc biết: Hiếu và Phương có tài sản chung 1 tỷ 200 triệu, tài sản riêng của Hiếu 120 triệu. Hiếu không còn cha mẹ, **Quý được Hiếu thừa nhận là con ruột**.

**Bước 1: Tính di sản:** Di sản =  $\frac{1200}{2} + 120 = 720$  triệu.

**Bước 2: 4 người thừa kế:** Phương (vợ), Tâm, Ngọc, Quý (con)

**Bước 3: Chia thừa kế:** 1 suất thừa kế =  $\frac{\text{Di sản}}{4} = \frac{720}{4} = 180$  triệu.



3) **Thừa kế thế vị:** C2 chết trước hoặc cùng thời điểm với B => N, M thay thế cho C2 nhận thừa kế từ B.

**Tính thừa kế M, N trong các trường hợp:**

\* **C2, B chết cùng:** (biết B có 2 tỷ, C2 có 4 tỷ)

- **B chết:** Người hưởng: A, C1, C2:  $\frac{2000}{3} \approx 666$  triệu/ người.

Vì C2 chết cùng B nên M, N sẽ thừa kế thế vị  $\rightarrow M = N = \frac{666}{2} = 333$  triệu.

- **C2 chết:** Người hưởng: A, D, M, N:  $\frac{4 \text{ tỷ}}{4} = 1 \text{ tỷ} \rightarrow M = N = 1 \text{ tỷ}$ .

Vậy:  $\begin{cases} \text{M có: } 1 \text{ tỷ} + 333 \text{ triệu} = 1 \text{ tỷ } 333 \text{ triệu} \\ \text{N có: } 1 \text{ tỷ} + 333 \text{ triệu} = 1 \text{ tỷ } 333 \text{ triệu} \end{cases}$

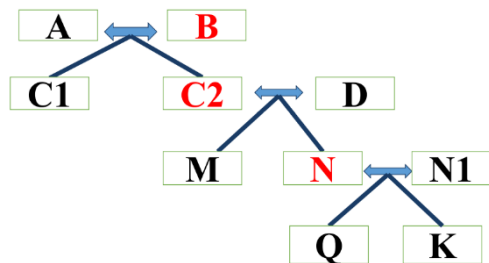
\* **C2 chết trước B:** (biết B có 1 tỷ, C2 có 4 tỷ):

- **C2 chết:** Người hưởng: A, B, D, M, N:  $\frac{4 \text{ tỷ}}{5} = 800$  triệu  $\rightarrow \begin{cases} \text{B có: } 1 \text{ tỷ} + 800 \text{ triệu} = 1 \text{ tỷ } 800 \text{ triệu} \\ \text{M = N có: } 800 \text{ triệu} \end{cases}$

- **B chết:** Người hưởng: A, C1, C2:  $\frac{1 \text{ tỷ } 800}{3} = 600$  triệu.

Vì C2 chết trước B nên M, N thế vị:  $M = N = \frac{600}{2} = 300$  triệu.

Vậy:  $M = N = 800 + 300 = 1 \text{ tỷ } 100 \text{ triệu}$ .



#### 4) Thừa kế thế vị:

Vì C2 chết trước hoặc cùng B  $\Rightarrow$  M và N thế vị C2 để nhận thừa kế từ B. N chết trước hoặc cùng C2 và B  $\Rightarrow$  Q, K thế vị N và C2 nhận thừa kế từ B.

Tính thừa kế Q, K trong các trường hợp: (biết B: 6 tỷ, C2: 4 tỷ, N: 2 tỷ)

**\* B, C2, N chết cùng 2020:**

- B chết: Người hưởng: A, C1, C2:  $\frac{6}{3} = 2$  tỷ. Vì C2 chết cùng B nên M, N thế vị: **M = N = 1 tỷ**; N chết cùng B

nên Q, K thế vị: **Q = K =  $\frac{1}{2}$  tỷ = 500 triệu.**

- C2 chết: Người hưởng: A, D, M, N (B chết cùng nên không có phần cho B):  $\frac{4}{4} = 1$  tỷ. Vì N chết cùng C2 nên Q,

K thế vị: **Q = K =  $\frac{1}{2}$  tỷ = 500 triệu.**

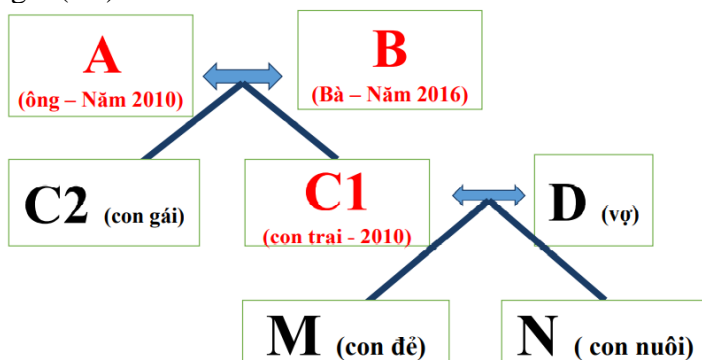
- N chết: Người hưởng: N1, Q, K, D (C2 chết cùng nên không có phần cho C2):  **$\frac{2}{4} = 500$  triệu.**

Vậy: K = Q có: 500 + 500 + 500 = 1 tỷ 500 triệu

**\* C2 (2018), B (2019), N(2020)?**

**\* N chết cùng C2 năm 2020, B chết 2021?**

5) Vợ (D) chồng (C1) tôi hiếm muộn, sống với nhau được 6 năm mà không có con. Sau khi nhận cháu gái (N) 5 tuổi về nuôi thì tôi sinh được một cháu trai (M). Khi cháu trai được 2 tuổi, **không may trong một tai nạn giao thông, ông nội (A) và bố cháu cùng bị tử vong năm 2010**. Bây giờ (2016) bà nội (B) cháu qua đời. Hỏi: Thừa kế được chia như thế nào biết bố mẹ chồng tôi có một ngôi nhà trị giá 12 tỷ, tài sản của vợ chồng tôi là 8 tỷ, chồng tôi còn một người em gái (C2)?



#### β) Thừa kế theo di chúc:

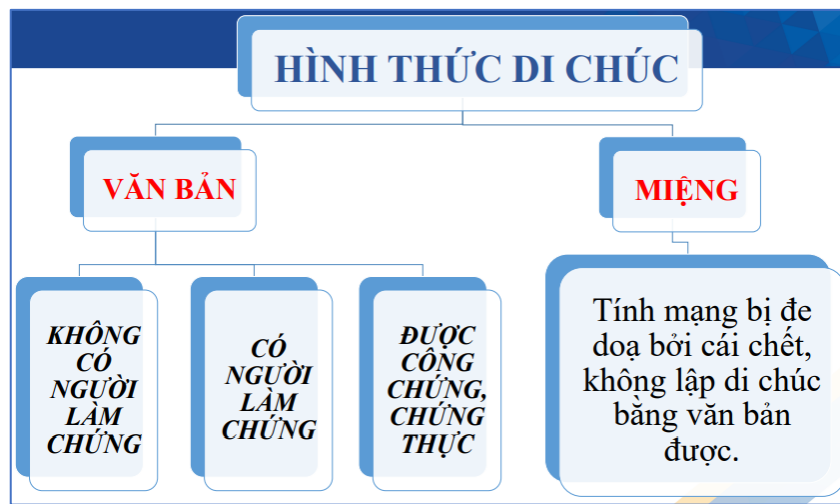
- **Di chúc** là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

- **Thừa kế theo di chúc:** việc chuyển quyền sở hữu di sản thừa kế của người chết sang cho những người còn sống, theo sự định đoạt của người đó khi còn sống.

- **Di chúc hợp pháp:**

+ Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép;

+ Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.



**\* Di chúc bằng văn bản:**

➤ Không có người làm chứng: Viết tay, tự ký, không đánh máy.

➤ Có người làm chứng: Có thể tự viết, đánh máy, nhờ người khác viết; Sau đó tự ký/ điểm chỉ, có 2 người làm chứng ký xác nhận.

**\* Di chúc miệng hợp pháp:** người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất **hai người làm chứng** và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng **ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ**. Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày người lập di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải **được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng**.

**Sau 03 tháng, người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt → Di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.**

**1) Có một ông lão nuôi được 19 con bò. Trước khi chết ông gọi 3 người con lại dặn dò. Thằng con cả 1/2 đàn bò, thằng con thứ 1/4 đàn bò, thằng con út 1/5 đàn bò. Bạn hãy chia thừa kế trong tình huống này.**

Gọi đàn bò là X con. Con cả được 1/2X, con thứ được 1/4X, con út được 1/5X.

Ta có:  $\frac{1}{2}X + \frac{1}{4}X + \frac{1}{5}X = 19 \rightarrow X = 20$  con.

+ **Tuổi lập di chúc:** Đủ 15 đến dưới 18 tuổi: Có cha mẹ, người giám hộ lập văn bản; nếu hạn chế thể chất, không biết chữ thì cần người làm chứng.

+ Không viết tắt, kí hiệu, chỗ tẩy xóa, sửa chữa cần ký tên chỗ đó; các trang được đánh số trang và ký tên từng trang.

**\* Đối tượng không được làm chứng:** Người thừa kế, Người có nghĩa vụ tài sản theo di chúc, Người dưới 18 tuổi, người mất năng lực dân sự.

- Phân chia tài sản theo di chúc:

+ Việc phân chia di sản thực hiện theo ý chí của người lập di chúc.

+ Quyền của người lập di chúc: Chỉ định người thừa kế, truất quyền thừa hưởng di sản; Phân định di sản; Chia di sản theo ý muốn.

**- Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc: Con chưa thành niên; Con đã thành niên mà không có khả năng lao động; Cha, mẹ, vợ, chồng.**

Những người này vẫn được hưởng phần di sản bằng **hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật** nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó.

**\* Kỹ phần bắt buộc:**

$$\frac{2}{3} \text{ suất của người thừa kế theo luật (nếu thừa kế được chia theo pháp luật)} = \frac{2}{3}.$$

Tổng di sản

Số người thừa kế theo pháp luật cùng hàng

\* Số người thừa kế theo pháp luật cùng hàng: Bao gồm luôn cả những người **đã có trong di chúc** và những người **chưa có trong di chúc**.

**📖 Chia thừa kế:**

1. Bước 1: Xác định di sản thừa kế

2. Bước 2: Xác định loại thừa kế

3. Bước 3: Xác định người thừa kế theo di chúc (có người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc) hoặc theo pháp luật (có thừa kế thế vị hay không).

4. Bước 4: Chia thừa kế

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỪA KẾ**

1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trong trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định là ngày quyết định có hiệu lực.
  2. Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản; nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản.
  3. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó.
- Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:
- a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự;
  - b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.
- Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.
  - Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

2) Xem xét tình huống sau: A trước khi chết để lại di chúc cho vợ là B (đang mang thai của A). Nội dung di chúc như sau: sau khi A chết, tài sản của A được chia 3 phần, nếu B sinh con trai, con sẽ được 2 phần (B được 1 phần), nếu B sinh con gái, con sẽ được 1 phần (B được 2 phần). Sau khi A chết B sinh 1 trai, 1 gái. Hỏi cách chia tài sản của A để lại như thế nào?

B sinh con trai: con trai có gấp đôi di sản so với mẹ. Gọi X là di sản mẹ nhận, Y là di sản con trai nhận  $\rightarrow Y = 2X$ .

B sinh con gái: con gái có 1/2 di sản so với mẹ. Gọi Z là di sản con gái nhận  $\rightarrow Y = X/2$ .

Vậy di sản mỗi người có trong TH B sinh 1 trai, 1 gái: 
$$\frac{X + 2X + \frac{1}{2}X}{3} = \frac{7}{6}X$$

3) Hiếu kết hôn với Phương năm 1999, năm 2000 thì Tâm ra đời, năm 2009 Ngọc ra đời. Năm 2010 Hiếu đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc và chung sống với Luyến và sinh con là Quý năm 2010. Ngày 14/2/2015 Hiếu đột tử. **Giả sử trước khi chết Hiếu lập di chúc miệng có nhiều người làm chứng rằng: tài sản của mình sẽ được chia đều cho 3 người là Luyến, Quý và Tâm thì di sản được chia như thế nào. Biết: Hiếu và Phương có tài sản chung 1 tỷ 200 triệu, tài sản riêng của Hiếu 120 triệu.**

- Di sản của Hiếu:  $\frac{1200}{2} + 120 = 720$  triệu.

- Kỷ phần bắt buộc: **Được chia cho Phương, Ngọc** (Dù Tâm, Quý có tên trong di chúc nhưng vẫn **chia 4, bao gồm Phương, Ngọc, Quý, Tâm, theo pháp luật**):  $\frac{2}{3} \cdot \frac{720}{4} = 120$  triệu

- Di sản còn lại:  $720 - 120 \cdot 2$  (vì đã chia cho Phương, Ngọc) = 480 triệu.

- Chia theo di chúc cho Luyến, Quý, Tâm:  $\frac{480}{3} = 160$  triệu.

3) Ông A kết hôn với bà B từ năm 1986 không có con, từ 1990 đến nay ông A và bà B ly thân. Ông A sống chung với bà H sinh được 2 người con T (19 tuổi) và K (14 tuổi). Ông A chết để lại di chúc như sau: chia cho bà H 2 tỷ, cho K 1 tỷ, cho bà giúp việc 1 tỷ, cho anh lái xe 1 tỷ, tặng trại trẻ mồ côi X 3 tỷ. Hãy chia thừa kế biết ông A có tổng tài sản 12 tỷ.

4) Bà Tiến có con là Hạ và Quang, Hạ có vợ là Yến, có 2 con chung là Bình và An; vợ chồng Hạ và Yến có tài sản chung là 240 triệu, bà Tiến chết để lại 300 triệu và lập di chúc chia cho Hạ và Quang mỗi người 150 triệu. Nếu bà Tiến và Hạ chết cùng thời điểm thì di sản được chia như thế nào?

5) Ông A và bà B kết hôn từ năm 1980, có 3 người con H, M, K. Năm 1990 ông A và bà B ly thân, ông A chung sống với bà T sinh được hai con: N (sinh năm 1992) và P (sinh năm 1994). Năm 2017 trước khi chết H để lại di chúc chia toàn bộ tài sản của mình cho ông A và bà B. Năm 2019 ông A chết lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho bà B, M, K mỗi người một phần bằng nhau. Hãy chia thừa kế biết:

- H có vợ là D và 2 con (S và Q đều dưới 18 tuổi); Vợ chồng H có tài sản 6 tỷ.

- Ông A và bà B có chung ngôi nhà 5 tỷ